

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6- QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09- 02- 2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Bà Bùi Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

Bị đơn: Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Phạm Thị T: Bà Hồng Thị T2 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T3 Quảng Ngãi; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/10/2025 nguyên đơn chị Phạm Thị T và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T là bà Hồng Thị T2 trình bày:

Năm 2009, chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn T1 tự nguyện đăng ký kết

hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh Phạm Văn T1 có nhiều bất đồng dẫn đến mâu thuẫn kéo dài. Chị đã nhiều lần cố gắng để tiếp tục chung sống với anh Phạm Văn T1 nhưng vẫn không thành. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Phạm Văn T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là: Phạm Đình Q, sinh ngày 20/7/2007 và Phạm Thị S, sinh ngày 15/05/2012, cháu Q đã thành niên, còn lại cháu S đang ở với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn T1 đã nhận các thông báo của Tòa án nhưng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Phạm Văn T1. Về con chung: giao con chung Phạm Thị S, sinh ngày 15/05/2012 cho chị T nuôi dưỡng; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phạm Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn T1 ở Thôn Đ, xã B, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn T1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (nay là UBND

xã B, tỉnh Quảng Ngãi), do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hoàn toàn hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Về phía anh T1 đã được Tòa án thông báo về việc hòa giải nhưng anh T1 không đến tham gia. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh T1.

[4] Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là: Phạm Đình Q, sinh ngày 20/7/2007 và Phạm Thị S, sinh ngày 15/05/2012, cháu Q đã thành niên, còn lại cháu S, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu S đang ở với chị T và có nguyện vọng được ở với chị T. Về phía anh T1 không có ý kiến phản đối việc chị T nuôi con. Do đó để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho cháu S nên giao cháu S cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị T khai không có.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị T là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 81, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27, 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Phạm Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị S, sinh ngày 15/05/2012 cho chị Phạm Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Anh Phạm Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 6- Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- UBND xã Ba Dinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hồng Mỹ

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Huỳnh Thị Thùy Trâm Bùi Thị C

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hồng M

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phổ Khánh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hồng Mỹ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Cẩm

Trà Thị Lệ

Đoàn Thị Hồng Mỹ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phổ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hồng Mỹ

--	--

